

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Đỗ Biên Ai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim H - Sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T - Sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Kim H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông T có tính gia trưởng và có hành vi bạo lực với bà. Nay nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung gồm Nguyễn Vũ Huỳnh – sinh ngày 24/4/2003 và Nguyễn Thị Trúc Quỳnh – sinh ngày 04/5/2007. Nguyễn Vũ Huỳnh đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, Nguyễn Thị Trúc Quỳnh có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Quốc T nhưng ông T không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà H, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà H khai bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Ông T có tính gia trưởng, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng không hàn gắn được. Nay nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay ông, bà đồng ý ly hôn với nhau không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung gồm Nguyễn Vũ Huỳnh – sinh ngày 24/4/2003 và Nguyễn Thị Trúc Quỳnh – sinh ngày 04/5/2007. Nguyễn Vũ Huỳnh đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, Nguyễn Thị Trúc Quỳnh có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Nguyễn Thị Trúc Quỳnh là nữ, có nguyện vọng ở với mẹ do đó Hội đồng xét xử giao cháu Quỳnh cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Ông Nguyễn Quốc T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Do bà H không đặt ra việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, ông T không phản đối nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí bà H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Kim H và ông Nguyễn Quốc T.

2. Giao cháu Nguyễn Thị Trúc Quỳnh – sinh ngày 04/5/2007 cho bà Huỳnh Kim H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, việc cấp dưỡng không đặt ra. Ông Nguyễn Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Kim H phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002563 ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Trường

Đỗ Biên Ải

Lâm Ngọc Trâm

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Trâm